

DANH SÁCH TRẢ HỒ SƠ GỐC HỌC VIÊN THI 24.01.2026

TT	Họ và tên	Ngày Sinh	Số GPLX	Hạng	Kết quả xác thực
1	NGUYỄN SƠN ẮN	1975-03-27	480269001549	B	Hợp lệ
2	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	1978-10-07	491238004816	B	Hợp lệ
3	TRẦN VĂN BÌNH	1996-06-21	480268001548	B	Hợp lệ
4	LÊ MẠNH CHÍNH	1970-09-01	460021001279	B	Hợp lệ
5	ĐOÀN VĂN CHUNG	1987-12-01	480261001550	B	Hợp lệ
6	ĐỖ VĂN CÔNG	1994-08-01	480267001547	B	Hợp lệ
7	NGUYỄN HUY CÔNG	1990-11-18	480266001546	B	Hợp lệ
8	NGUYỄN VĂN CƯƠNG	1995-08-14	790170077264	B	Hợp lệ
9	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	2003-11-29	420229001170	B	Hợp lệ
10	NGUYỄN VIỆT ĐỨC	1993-02-02	480265001545	B	Hợp lệ
11	NGUYỄN THỊ HẠNH	1993-12-27	481261001801	B	Hợp lệ
12	ĐOÀN MỘNG HOÀI	2002-05-06	480203011214	B	Hợp lệ
13	TRƯƠNG CÔNG HOÀN	1991-04-20	480264001544	B	Hợp lệ
14	TRẦN CAO HOÀNG	2003-12-28	510228006084	B	Hợp lệ
15	NGUYỄN MẠNH HÙNG	2005-02-15	420232001893	B	Hợp lệ
16	HUYỀN KIM HUY	1994-01-22	480120483776	B	Hợp lệ
17	LÊ NGUYỄN PHƯỚC HUY	1998-04-13	480257007218	B	Hợp lệ
18	NGUYỄN ĐỨC GIA HUY	2006-03-16	480245004148	B	Hợp lệ
19	NGUYỄN LÊ KIM HUYỀN	2000-05-01	641191202826	B.01	Hợp lệ
20	HOÀNG NGỌC THANH HƯƠNG	1996-07-28	641144397568	B.01	Hợp lệ
21	NGUYỄN QUANG HỮU	1991-05-29	450150006432	B	Hợp lệ
22	NGUYỄN ĐẮC ANH KHOA	2007-01-13	480263001543	B	Hợp lệ
23	TRẦN ĐĂNG KHOA	2000-07-18	480262001542	B	Hợp lệ
24	NGUYỄN NGỌC LINH	1987-06-14	480261001541	B	Hợp lệ
25	TRẦN QUANG LONG	2006-12-08	480260001540	B	Hợp lệ
26	NGUYỄN THÀNH LUÂN	1991-09-02	480268001539	B	Hợp lệ
27	TRẦN VĂN LƯƠNG	2005-06-09	480242010193	B	Hợp lệ
28	PHẠM THỊ LY NA	2001-07-01	441209003294	B	Hợp lệ
29	DƯƠNG HOÀI NAM	2007-03-27	440255003962	B	Hợp lệ
30	NGUYỄN HỮU NAM	1989-10-29	480267001538	B	Hợp lệ
31	TỔNG CÔNG NAM	2000-09-25	480196001229	B	Hợp lệ
32	ĐÀM THỊ BẢO NGỌC	2006-11-22	481260001800	B.01	Hợp lệ

DANH SÁCH TRẢ HỒ SƠ GỐC HỌC VIÊN THI 24.01.2026

TT	Họ và tên	Ngày Sinh	Số GPLX	Hạng	Kết quả xác thực
33	NGUYỄN TRẦN MINH NGUYỄN	2006-10-04	480243013489	B	Hợp lệ
34	ĐÀO NHI	1996-07-04	481267001799	B	Hợp lệ
35	TRẦN DUY PHAN	1994-04-02	510120002243	B	Hợp lệ
36	CÁT LÊ QUỐC PHONG	2002-11-07	440213005232	B	Hợp lệ
37	MAI THỊ UYÊN PHƯƠNG	1984-03-03	481266001798	B.01	Hợp lệ
38	NGUYỄN DUY QUANG	1996-05-15	450146002479	B	Hợp lệ
39	TRƯƠNG VĂN ANH QUÂN	2002-09-29	480215000910	B	Hợp lệ
40	NGUYỄN NGỌC QUÝ	1993-03-16	480117490271	B	Hợp lệ
41	ĐẶNG LÝ PHƯƠNG QUỲNH	1991-08-01	481265001797	B.01	Hợp lệ
42	HOÀNG TRỊNH NHƯ QUỲNH	1998-03-02	481162010137	B.01	Hợp lệ
43	TRƯƠNG QUANG SĨ	1986-09-11	790061329069	B	Hợp lệ
44	NGUYỄN LÊ HỮU TÀI	2004-09-26	480232006351	B	Hợp lệ
45	NGUYỄN TÂM	1960-04-25	480265001536	B	Hợp lệ
46	PHAN THANH TÂM	1989-05-04	480266001537	B	Hợp lệ
47	NGUYỄN MINH TÂY	1998-07-25	480205012378	B	Hợp lệ
48	PHAN PHÚ THANH	2003-01-24	480223007262	B	Hợp lệ
49	NGUYỄN BÁ THÀNH	1997-07-20	400172021205	B	Hợp lệ
50	TRẦN VĂN THÀNH	1984-11-07	480050484908	B	Hợp lệ
51	NGUYỄN QUANG THIẾU	1989-03-10	420161004464	B	Hợp lệ
52	TRẦN BẢO THỊNH	2003-04-01	480248005898	B	Hợp lệ
53	CAO THỊ ANH THƯ	2006-10-08	421253002485	B	Hợp lệ
54	MAI XUÂN THƯỜNG	1983-10-15	480251008996	B	Hợp lệ
55	HỒ DUY TIẾN	1994-08-20	480264001535	B	Hợp lệ
56	NGUYỄN VĂN TOÀN	2003-03-21	440216007684	B	Hợp lệ
57	NGUYỄN XUÂN TRẮNG	1994-10-15	460214002298	B	Hợp lệ
58	LÊ THỊ HỒNG TRÂN	2007-02-02	481264001796	B	Hợp lệ
59	NGUYỄN ĐÌNH TRIỀU	1996-04-22	510145013046	B	Hợp lệ
60	PHAN THỊ THÚY TRIỀU	2003-08-01	511218002150	B	Hợp lệ
61	LÊ THỊ MỸ TRINH	1991-02-06	481127484276	B	Hợp lệ
62	NGUYỄN MINH TƯ	1988-01-11	480263001534	B	Hợp lệ
63	NGUYỄN THÀNH TƯƠI	1985-06-25	481263001795	B	Hợp lệ
64	HÀ TRIỆU VĨ	2003-04-15	480262001533	B	Hợp lệ

DANH SÁCH TRẢ HỒ SƠ GỐC HỌC VIÊN THI 24.01.2026

TT	Họ và tên	Ngày Sinh	Số GPLX	Hạng	Kết quả xác thực
65	ĐOÀN DẠ VŨ	2002-12-20	480215003368	B	Hợp lệ
66	LÊ TUẤN VŨ	1993-10-10	480261001532	B	Hợp lệ
67	NGUYỄN LÊ TRIỀU VỸ	2001-07-18	480260001531	B	Hợp lệ